

Bản án số 100/2024/HC-PT
Ngày 29/02/2024
V/v khiếu kiện quyết hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 814/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1349/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Bàn Văn D, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Ma Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn F, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: LS Phùng Văn T1- VPLS Phùng Văn T1- Đoàn luật sư Tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thành T2 - Chủ tịch. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế Đ PCT- Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: thị trấn L, huyện

L, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T3 - Chủ tịch. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn L- PCT- Có mặt.

Công chức địa chính: Nguyễn Viết D1- Có mặt.

2. Ông Nguyễn Xuân T4, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Bà Bàn Thị P, sinh năm 1982; Vắng mặt.

4. Anh Bàn Văn H, sinh năm 2001; Vắng mặt.

5. Chị Bàn Thị H1, sinh năm 2003; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, anh H, chị H1: Bà Ma Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn F, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Bàn Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D trình bày:***

Ông Nguyễn Xuân T4 có mảnh đất thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Loại đất của ông T4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nuôi trồng thủy sản (ao cá). Trước khi bán mảnh đất trên cho ông D, ông T4 đã đổ đất san ủi mặt bằng (tức là đã cải tạo từ đất nuôi trồng thủy sản từ ao trở thành đất vườn) và có mặt bằng có thể làm nhà ở. Năm 2017 ông D mua lại mảnh đất trên của ông Nguyễn Xuân T4, thủ tục mua bán mới chỉ viết tay chưa làm thủ tục trước bạ sang tên theo quy định. Sau khi mua mảnh đất trên với ông T4 xong ông D mới được biết, mảnh đất của ông T4 trước đó là ao, ông T4 đã san lấp ao thành đất vườn, ông D phải thực hiện di dân tái định cư theo kế hoạch của Nhà nước về tổ B, xã L, huyện Y. Ông D và gia đình có ý định sau này sẽ trở lại huyện L. Nên năm 2017 sau khi mua mảnh đất trên ông D có dựng căn nhà tạm: Cột bằng sắt, lợp tôn xộp, vì kèo sắt, vách bằng tôn, nền lán xi măng, cửa cuốn. Tổng diện tích 100,5m², rộng 6m, sâu 16,75m. Sau khi dựng nhà trên ông D đưa bàn thờ tổ tiên vào thờ cúng theo phong tục truyền thống. Tuy nhiên ông D chưa dọn vào ở ngay vì còn chọn ngày lành, tháng tốt theo phong tục truyền thống thì bị Chủ tịch UBND huyện L thực hiện việc tháo dỡ nhà. Quá trình xử lý vụ việc UBND thị trấn đã thông báo tìm kiếm đối tượng vi phạm tuy nhiên ông D không có hộ khẩu ở L nên không biết việc thông báo. Sau này khi ngôi nhà của ông D bị tháo dỡ thì ông D mới biết và đến ngày 08/5/2023 ông D mới nhận được Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc khắc phục hậu quả (tháo dỡ căn nhà trên của ông D).

Ông D xác định Chủ tịch UBND huyện L đã thực hiện sai quy định của pháp luật như sau:

- Xử lý sai đối tượng vi phạm. Cụ thể đất theo hồ sơ vẫn là đất của ông Nguyễn Xuân T4 và ông T4 là người san lấp đất, tạo mặt bằng từ đất ao (nuôi trồng thủy sản) sang đất phi nông nghiệp chứ không phải ông D vi phạm chuyển mục đích sử dụng đất.

- Từ việc xác định sai đối tượng vi phạm nên Chủ tịch UBND huyện L đã áp dụng sai pháp luật điều chỉnh mối quan hệ trên (áp dụng sai đối tượng điều chỉnh).

Đặc biệt trong quá trình xem xét, xử lý ông D không nhận được bất cứ thông tin gì của UBND huyện L yêu cầu khắc phục sai phạm. Do UBND huyện L thực hiện không đúng pháp luật tháo dỡ công trình của ông D đã gây thiệt hại kinh tế cho ông D. Ông D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L vì không đúng pháp luật; Buộc UBND huyện L phải bồi thường thiệt hại cho ông D là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Trong đó bao gồm 2 khoản: Giá trị căn nhà bị tháo dỡ, thời điểm ông D xây dựng căn nhà tổng chi phí là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), nay do UBND huyện L tự ý tháo dỡ, làm hư hỏng, ông D đề nghị bồi thường cho ông D số tiền là 83.750.000 đồng (số này chỉ gần bằng 1/2 giá trị tài sản của ông D chi phí xây dựng căn nhà); Yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm tín ngưỡng (đập phá bàn thờ tổ tiên của ông D) là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

**** Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện L trình bày:***

Ngày 27/8/2021, Tổ Quản lý trật tự đô thị tiến hành kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ thì phát hiện tại thửa đất số 350, tờ bản đồ số 67 (bản đồ đo đạc địa chính), có địa chỉ tại tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (sổ mục kê mang tên ông Nguyễn Xuân T4) có công trình đang xây dựng bằng khung sắt, cột bằng sắt, vì kèo bằng sắt, mái lợp bằng tôn xộp, chưa có vách xung quanh, nền bằng đất. Đến ngày 22/02/2022, Tổ Quản lý trật tự đô thị tiếp tục kiểm tra thì công trình đã hoàn thành, bao gồm các hạng mục: Cột bằng sắt, vì kèo bằng sắt, mái lợp bằng tôn xộp, vách bằng tôn, nền láng xi măng cát và cửa cuốn. Tổng diện tích vi phạm là 100,5m², trong đó chiều rộng là 6,00m, chiều sâu là 16,75m. Ngay khi phát hiện thửa đất có hành vi vi phạm Tổ quản lý trật tự đô thị thuộc UBND thị trấn L đã tiến hành lập biên bản, xác minh đối tượng vi phạm. Tại thời điểm phát hiện, đối tượng vi phạm không có mặt tại công trình đang xây dựng, quá trình xác minh Tổ quản lý trật tự đô thị làm việc với chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Xuân T4, ông T4 không hợp tác, không cung cấp thông tin cụ thể với lý do ông đã chuyển nhượng thửa đất xây dựng công trình trên cho người khác. Mặc dù được mời đến trụ sở UBND thị trấn nhiều lần để làm việc nhưng ông Nguyễn Xuân T4 không có mặt để phối hợp giải quyết để tìm đối tượng vi phạm nêu trên.

UBND thị trấn L đã thực hiện các thủ tục thông báo tìm chủ công trình/đối tượng vi phạm (Thông báo số 02/TB-UBND ngày 22/02/2022, Thông báo số 28/TB-UBND ngày 21/9/2022 và Thông báo số 47/TB-UBND ngày 21/11/2022 về việc tìm đối tượng vi phạm) nhưng không tìm được đối tượng vi phạm. Thông báo được gửi đến Trung tâm văn hóa , Truyền thông và Thể thao huyện L để đưa tin theo nội dung Thông báo của U và các phương tiện thông tin của huyện và được công khai tại: Trụ sở UBND thị trấn L, tại Nhà văn hóa tổ dân phố L1, được dán thông báo tại nơi vi phạm.

Ngày 23/12/2022, công chức đang thi hành công vụ thuộc UBND thị trấn L, huyện L tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai, xảy ra tại thửa đất số 350, tờ bản đồ số 67 (bản đồ đo đạc địa chính), địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang về hành vi vi phạm hành chính: “Chuyển đất nuôi trồng thủy sản sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị” quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính, không có người nhận là chủ công trình đang xây dựng, không xác định được đối tượng vi phạm.

Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính, UBND thị trấn L đã tiến hành xác minh để xác định đối tượng vi phạm hành chính nhưng không xác định được đối tượng vi phạm nên đã tiến hành niêm yết biên bản vi phạm hành chính tại nơi vi phạm, nhà văn hóa tổ dân phố L1 và trụ sở UBND thị trấn L để công khai việc lập biên bản vi phạm hành chính và thông báo đến đối tượng vi phạm hành chính biết nhưng không có kết quả. UBND thị trấn L đã báo cáo Chủ tịch UBND huyện L xử lý theo thẩm quyền (Báo cáo số 481/BC-UBND ngày 23/12/2022 về việc đề xuất ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính trên địa bàn thị trấn L).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 1, khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, ngày 31/12/2022, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và giao UBND thị trấn L tổ chức thực hiện Quyết định nêu trên. UBND thị trấn L đã xây dựng Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2023 về việc Tổ chức thi hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tiến hành niêm yết Quyết định 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nơi vi phạm, nhà văn hóa tổ dân phố L1 và nhà trụ sở UBND thị

trần. Đến ngày 04/01/2023, UBND thị trấn L đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thi hành quyết định trên.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện L đã xác định có vi phạm hành chính xảy ra và thực hiện đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền khi ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện về việc: Hủy Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và thực hiện chi trả bồi thường cho ông D theo quy định.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn L trình bày:**

Việc UBND thị trấn L lập hồ sơ vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ đến UBND huyện L ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo trình tự, quy định của pháp luật. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến khi xây dựng công trình vi phạm, ông Bàn Văn D không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật cụ thể:

- Về đất: Thửa đất ông Bàn Văn D khởi kiện thuộc một phần thửa số 350, tờ bản đồ số 67, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, sổ mục kê mang tên ông Nguyễn Xuân T4, giấy tờ ông D cung cấp là giấy tờ được viết bằng tay được ông Nguyễn Xuân T4 và ông Bàn Văn D ký ngày 09/4/2017, tham gia chứng kiến là ông Nguyễn Thanh G nội dung giấy chuyển nhượng không rõ vị trí thửa đất, kích thước, diện tích đất. Căn cứ điểm a, khoản 3, điều 67 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này” như vậy giấy chuyển nhượng trên không có hiệu lực pháp luật.

- Về công trình xây dựng: Ông Bàn Văn D xây dựng công trình thuộc thửa đất nêu trên là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (Căn cứ xử phạt áp dụng theo điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định.

- Về việc xác định đối tượng vi phạm: UBND thị trấn L đã thực hiện các thủ tục thông báo tìm chủ công trình/đối tượng vi phạm (Thông báo số 02/TB-UBND ngày 22/02/2022, Thông báo số 28/TB-UBND ngày 21/9/2022 và Thông báo số 47/TB-UBND ngày 21/11/2022 về việc tìm đối tượng vi phạm và các thủ tục liên quan khác) nhưng không tìm được đối tượng vi phạm. Từ thời điểm tự thỏa thuận mua bán đất với ông Nguyễn Xuân T4 từ năm 2017 đến nay ông Bàn Văn D không đăng ký thường trú, tạm trú trên địa bàn thị trấn L và không có công dân nào đăng ký thường trú, tạm trú tại công trình ông Bàn Văn D xây dựng công trình vi phạm, ông Bàn Văn D xây dựng công trình không trình báo đến cơ quan

có thẩm quyền để được hướng dẫn các thủ tục liên quan và nắm biết các quy định của pháp luật trước khi xây dựng. Sau khi tổ chức thi hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ông Bàn Văn D mới đến UBND thị trấn L để nhận là chủ công trình, UBND thị trấn cũng đã tổ chức đối thoại, tuyên truyền, giải thích tuy nhiên ông Bàn Văn D không đồng ý, và yêu cầu bồi thường mặc dù ông Bàn Văn D cũng đã nắm biết được công trình xây dựng của mình là vi phạm, việc yêu cầu bồi thường của ông Bàn Văn D là không có cơ sở. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét giải quyết theo quy định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bàn Thị P trình bày:***

Ông Nguyễn Xuân T4 có mảnh đất thừa đất số 350, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Loại đất của ông T4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nuôi trồng thủy sản (ao cá). Trước khi bán mảnh đất trên cho gia đình bà, ông T4 đã đổ đất san ủi mặt bằng từ ao trở thành đất vườn và có mặt bằng có thể làm nhà ở. Năm 2017 bà và chồng bà là Bàn Văn D mua lại mảnh đất trên của ông Nguyễn Xuân T4, thủ tục mua bán mới chỉ viết tay chưa làm thủ tục trước bạ sang tên theo quy định. Sau khi mua mảnh đất trên với ông T4 xong gia đình bà mới được biết, mảnh đất của ông T4 trước đó là ao, ông T4 đã san lấp ao thành đất vườn, gia đình bà phải thực hiện di dân tái định cư theo kế hoạch của Nhà nước về tổ B, xã L, huyện Y. Gia đình bà P có ý định sau này sẽ trở lại huyện L nên năm 2017 sau khi mua mảnh đất trên chồng bà có dựng căn nhà tạm cột bằng sắt, lợp tôn xộp, vì kèo sắt, vách bằng tôn, nền láng xi măng, cửa cuốn. Tổng diện tích 100,5m², rộng 6m, sâu 16,75m. Sau khi dựng nhà gia đình bà đưa bàn thờ tổ tiên vào thờ cúng theo phong tục truyền thống. Tuy nhiên chưa dọn vào ở ngay vì còn chọn ngày lành, tháng tốt theo phong tục truyền thống. Tuy nhiên ngày 08/5/2023 gia đình bà mới nhận được Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc khắc phục hậu quả (tháo dỡ căn nhà trên của bà).

Bà P xác định Chủ tịch UBND huyện L đã thực hiện sai quy định của pháp luật, xử lý sai đối tượng vi phạm, đất theo hồ sơ vẫn là đất của ông Nguyễn Xuân T4 và ông T4 là người san lấp đất, tạo mặt bằng từ đất ao sang đất phi nông nghiệp. Từ việc xác định sai đối tượng vi phạm nên Chủ tịch UBND huyện L đã áp dụng sai pháp luật điều chỉnh mối quan hệ trên (áp dụng sai đối tượng điều chỉnh).

Đặc biệt trong quá trình xem xét, xử lý bà P không nhận được bất cứ thông tin gì của UBND huyện yêu cầu khắc phục sai phạm. Do UBND huyện L thực hiện không đúng pháp luật tháo dỡ công trình của gia đình đã gây thiệt hại kinh tế cho đình bà. Do vậy, chồng bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử hủy Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Tuyên Quang vì không đúng pháp luật. Buộc UBND huyện L phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà là 90.000.000 đồng, bao gồm 02 khoản: Giá trị căn nhà bị tháo dỡ số tiền là 83.750.000 đồng; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm tín ngưỡng là 6.250.000 đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Văn H và chị Bàn Thị H1 trình bày:***

Năm 2017, bố mẹ anh chị mua một mảnh đất của ông Nguyễn Xuân T4 tại tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L. Khi đó anh chị được biết thủ tục mua bán mới chỉ viết tay chưa làm thủ tục trước bạ sang tên theo quy định. Khi mua bán, mảnh đất đã được san lấp có mặt bằng để làm nhà. Sau khi mua mảnh đất trên với ông T4 xong gia đình anh chị mới được biết, mảnh đất của ông T4 trước đó là ao, ông T4 đã san lấp ao thành đất vườn, gia đình anh chị phải thực hiện di dân tái định cư theo kế hoạch của Nhà nước về Tổ 20, xã L, huyện Y. Do có tình yêu quê hương, bố mẹ anh chị luôn có ý định sau này sẽ trở lại huyện L. Nên năm 2017 sau khi mua mảnh đất trên bố anh chị có dựng căn nhà tạm: Cột bằng sắt, lợp tôn xộp, vì kèo sắt, vách bằng tôn, nền láng xi măng, cửa cuốn. Tổng diện tích 100,5m², rộng 06m, sâu 16,75m. Sau khi dựng nhà trên bố mẹ anh chị đưa bàn thờ tổ tiên vào thờ cúng theo phong tục truyền thống. Tuy nhiên gia đình anh chị chưa dọn vào ở ngay vì còn chọn ngày lành, tháng tốt theo phong tục truyền thống. Tháng 01/2023, khi gia đình anh chị đi vắng không có mặt ở nhà, UBND thị trấn L đến tháo dỡ toàn bộ nhà anh chị, đập phá bàn thờ tổ tiên của gia đình vứt xuống đất. Trước đó gia đình anh chị không nhận được bất kỳ văn bản nào yêu cầu tháo dỡ hay có liên quan đến việc vi phạm về sử dụng đất đai. Tuy nhiên ngày 08/5/2023 gia đình anh chị mới nhận được Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc khắc phục hậu quả (tháo dỡ căn nhà).

Việc bố mẹ anh chị mua bán đất đai với ông T4 anh chị chỉ biết vì khi đó anh chị còn nhỏ không có đóng góp gì trong khối tài sản trên. Việc bố anh chị khởi kiện Quyết định hành chính của UBND huyện L anh chị hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T4*** trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện các biện pháp tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T4 cũng như ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ và xác minh đối với ông T4, tuy nhiên ông T4 không có mặt tại địa phương. Qua xác minh đối với con trai ông T4 là Nguyễn Xuân M, ông T4 hiện đang sống chung với anh M tại Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L nhưng ông T4 đã tách khẩu từ năm 2013 và hiện nay ông T4 không có mặt tại gia đình, không rõ khi nào ông T4 mới về nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Xuân T4 theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự đối thoại không thành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã quyết định: Căn cứ các Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 của Luật tố tụng hành

chính; khoản 1, khoản 2 Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn D với các nội dung:

- Bác yêu cầu: Tuyên hủy Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Bác yêu cầu: Buộc UBND huyện L thực hiện việc chi trả bồi thường cho ông D là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), trong đó bao gồm 2 khoản: Giá trị căn nhà bị tháo dỡ là 83.750.000 đồng; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm tín ngưỡng là 6.250.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/9/2023, người khởi kiện là ông Bàn Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, huỷ các quyết định của Ủy ban, buộc bồi thường theo yêu cầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người khởi kiện không xuất trình thêm chứng cứ mới giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía người khởi kiện nhất trí với ý kiến của người khởi kiện, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, không bổ sung gì thêm.

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa: Giữ nguyên ý kiến tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện, bác kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía người bị kiện nhất trí với ý kiến của người bị kiện. Không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Giữ nguyên ý kiến tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện, bác kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định,

nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Ông Bàn Văn D kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật nên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 26/5/2023 ông Bàn Văn D khởi kiện Quyết định hành chính số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: ông D kháng cáo toàn bộ bản án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022:

Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Biểu mẫu số 11 tại Phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi xác định: hình thức và nội dung Quyết định số 2339 phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC: Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về vấn đề này là đúng vì:

* Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

* Về trình tự, thủ tục: Ngày 27/8/2021, Tổ Quản lý trật tự đô thị thuộc

UBND thị trấn L tiến hành kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ thì phát hiện tại thửa đất số 350, tờ bản đồ số 67 (bản đồ đo đạc địa chính), tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (sổ mục kê mang tên ông Nguyễn Xuân T4) có công trình đang xây dựng bằng khung sắt, cột bằng sắt, vì kèo bằng sắt, mái lợp bằng tôn xộp, chưa có vách xung quanh, nền bằng đất. Đến ngày 22/02/2022, Tổ Quản lý trật tự đô thị tiếp tục kiểm tra thì công trình đã hoàn thành, bao gồm các hạng mục: Cột bằng sắt, vì kèo bằng sắt, mái lợp bằng tôn xộp, vách bằng tôn, nền láng xi măng cát và cửa cuốn. Tổng diện tích vi phạm là 100,5m², trong đó chiều rộng là 6,00m, chiều sâu là 16,75m. Tổ quản lý trật tự đô thị đã tiến hành lập biên bản, xác minh đối tượng vi phạm. Tại thời điểm phát hiện, đối tượng vi phạm không có mặt tại công trình đang xây dựng, quá trình xác minh làm việc với chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Xuân T4, ông T4 không hợp tác, không cung cấp thông tin cụ thể với lý do ông đã chuyển nhượng thửa đất xây dựng công trình trên cho người khác. UBND thị trấn đã nhiều lần mời ông T4 đến để làm việc nhưng ông T4 không có mặt để phối hợp giải quyết tìm đối tượng vi phạm. Ủy ban nhân dân thị trấn L đã thực hiện các thủ tục thông báo tìm chủ công trình/đối tượng vi phạm vào các ngày 22/02/2022, 21/9/2022 và ngày 21/11/2022 trên các phương tiện thông tin đại chúng, dán tại nơi vi phạm và trụ sở UBND thị trấn, nhà văn hóa của tổ dân phố nhưng không tìm được đối tượng vi phạm.

Ngày 23/12/2022, UBND thị trấn L, huyện L tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai, xảy ra tại thửa đất số 350, tờ bản đồ số 67, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang về hành vi vi phạm hành chính: “Chuyển đất nuôi trồng thủy sản sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị” quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính, không có người nhận là chủ công trình đang xây dựng, không xác định được đối tượng vi phạm.

Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính, UBND thị trấn L đã tiến hành xác minh để xác định đối tượng vi phạm hành chính nhưng không xác định được đối tượng vi phạm nên đã tiến hành niêm yết biên bản vi phạm hành chính tại nơi vi phạm, nhà văn hóa tổ dân phố L1 và trụ sở UBND thị trấn để công khai việc lập biên bản vi phạm hành chính và thông báo đến đối tượng vi phạm hành chính biết nhưng không có kết quả. Ủy ban nhân dân thị trấn L đã báo cáo Chủ tịch UBND huyện L và đề xuất ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính trên địa bàn thị trấn L).

Chủ tịch UBND huyện L căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ban hành Quyết định số 2339/QĐ-

XPVPHC về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và giao UBND thị trấn L tổ chức thực hiện Quyết định nêu trên. Phù hợp với quy định tại Điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 4 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính

Như vậy, việc UBND thị trấn L đã tiến hành xác minh để xác định đối tượng vi phạm hành chính nhưng không xác định được đối tượng vi phạm nên Chủ tịch UBND huyện L không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.3]. Về thời hạn, thời hiệu ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC:

Ngày 23/12/2022, công chức Ủy ban nhân dân thị trấn L lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai. Ngày 31/12/2022, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trong thời hạn, thời hiệu, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 28, Điều 66 và khoản 3 Điều 63 Luật xử lý vi phạm hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phù hợp.

[2.4]. Về yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu UBND huyện L bồi thường thiệt hại cho ông D là 90.000.000 đồng. Quyết định số 2339/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện L về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu bồi thường của ông D không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn D là có căn cứ.

Những vấn đề khác như án phí, quyền kháng cáo đã phù hợp quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát bác kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bàn Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Bàn Văn D; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Ông Bàn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Hoàng Thị D2 nộp thay tại Biên lai số 0000004 ngày 19/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến